

Bản án số: 24 /2020/HSST
Ngày 30 tháng 03 năm 2020

NHÂN DANH

☐ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thu Hà

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Minh Thiết - Giáo viên nghỉ hưu.
2. Ông Trần T Đô- Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình T- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24 /2020/QĐXXST-HS ngày 16/03/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Quốc T**, sinh ngày 02/12/2001; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 28 ngày; Đến ngày xét xử bị cáo 18 tuổi 03 tháng 28 ngày; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; Bố đẻ: Nông Quốc S, sinh 1975; mẹ đẻ: Nông Thị Q (đã chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Bản án số 111 ngày 30/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt 06 tháng tù giam; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 25/10/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Quản Hoàng Đ**, sinh ngày 02/01/2003; Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 5 tháng 28 ngày; Đến ngày xét xử 17 tuổi 02 tháng 28 ngày; tên gọi khác: Không có. Giới tính: Nam; Nơi cư trú: khu 3, thị trấn K, huyện C, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 10/12; Bố đẻ: Quản Đức Th, sinh năm 1965; mẹ đẻ: Nguyễn Thị Hoàng B, sinh năm 1972; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ:

- Ông Quản Đức Th, sinh năm 1965

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn K, huyện C, tỉnh Bắc Giang; (Có mặt).

- Ông Nguyễn Đức Chung, chức vụ: Phó bí thư Đoàn thanh niên huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (Xin vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Trọng Nghĩa – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Người bị hại:

Ông Phạm Duy Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Quốc T, sinh ngày 02/12/2001 ở thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Giang và Quản Hoàng Đ, sinh ngày 02/01/2003 ở Khu 3, thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang là bạn bè chơi với nhau. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/6/2019, T đang chơi game ở quán điện tử tại Cầu Lường, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang thì nhận tin cho Đ bảo đến đón, Đ đồng ý và đi xe mô tô Honda Dream không có biển kiểm soát (xe mượn của Dương Phương Tuấn, sinh năm 2003 ở Khu 1, thị trấn Kép, Lạng Giang) đến chỗ T. Gặp nhau T bảo Đ chở đến nhà ông Phạm Duy Đ, sinh năm 1959 ở thôn Ngọc Sơn, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để ghi lô đề, Đ đồng ý điều khiển xe theo sự chỉ dẫn của T đi đến nhà ông Đ. T khai, mục đích đến nhà ông Đ để tìm cách chiếm đoạt tiền vì T biết ông Đ bị còng lưng, sức khỏe yếu, việc đi lại chậm chạp và thường chỉ ở nhà một mình, tuy nhiên lúc này T chưa nói ý định cho Đ biết. Khi đến nơi T bảo Đ đứng ngoài cửa chờ còn T đi vào trong thì thấy ông Đ đang ngồi ở ghế nhựa, trước mặt là bàn gỗ có ngăn kéo, lúc này quan sát thấy trong ngăn kéo có tiền, chỉ có một mình ông Đ ở nhà nên T đã nảy sinh ý định cướp tài sản. T bảo ông Đ ghi lô đề cho và đọc một vài số linh tinh, T giả vờ quên tiền và nói với ông Đ để về lấy, một lúc nữa sẽ quay lại. Ra ngoài cửa, T nói chuyện với Đ về việc thấy tiền trong ngăn kéo và rủ Đ “Mày có dám lấy tiền nhà Đ Lý không”, Đ trả lời “Có” nên T bảo Đ điều khiển xe chở đi xung quanh nhà ông Đ khoảng 3 - 4 vòng để quan sát bên trong và xem có ai hay qua lại không, chờ thời cơ thuận lợi sẽ vào nhà ông Đ chiếm đoạt tiền. Sau đó cả hai đi đến quán điện tử ở Cầu Lường đứng ngoài cửa quán để bàn bạc cách cướp tài sản của ông Đ. T phân công nhiệm vụ khi quay lại nhà ông Đ thì Đ sẽ dùng tay đẩy ngã ông Đ còn T sẽ đứng cạnh lấy tiền trong ngăn kéo bàn. Nghe T nói vậy Đ bảo “Đây ông đẩy ngã nhớ có chuyện gì thì sao?”, T bảo “Mày cứ đẩy đi không chết đâu mà lo” thì Đ đồng ý với sự phân công của T. Thống nhất xong, cả hai cùng quay lại nhà ông Đ, đến cửa nhìn thấy ông Đ trong nhà T cố ý nói to “Tao có con này đẹp lắm hay là tao với mày đi vay tiền để về đánh” nhằm làm cho ông Đ mất cảnh giác. Sau đó cả hai lại quay lại quán điện tử ở Cầu Lường, đứng tại đây một lúc thì quay lại nhà ông Đ, thấy ông Đ vẫn ngồi ở ghế nhựa thì T và Đ cùng vào trong nhà bảo ông Đ ghi lô, đề cho. T đọc các số linh tinh rồi bảo ông Đ là quên tiền ở cốp xe ngoài đường để đi ra lấy, Đ giả vờ không mở được cốp xe bảo T vào mượn ông Đ kéo. T vào mượn thì ông Đ bảo không có nên T đi ra ngoài và tiếp tục cùng Đ đi xe lòng vòng quanh đó.

Khoảng 5 phút sau thì cả hai cùng quay lại nhà ông Đ, thấy có 01 người đang mua hàng nên T và Đ đứng đợi người này mua xong thì cả hai cùng vào nhà ông Đ, xe máy dựng ở trước cửa hướng ra Quốc lộ 1A. Lúc này khoảng 17 giờ 30 phút, ông Đ vẫn ngồi ở ghế nhựa cạnh bàn, T đi vào đứng cạnh bên trái ông Đ, còn Đ đứng sát bàn phía đối diện, T nói chuyện với ông Đ, nhân lúc ông Đ không để ý T cố ý thả tờ tiền có mệnh giá 10.000 đồng xuống đất cạnh chỗ ông Đ ngồi rồi nói “Ông ơi ông bị rơi tiền kìa”. Ông Đ cúi xuống nhặt và mở ngăn kéo để cất tiền vào thì T nháy mắt ra hiệu cho Đ. Đ hiểu ý nên ngay lập tức dùng tay phải đẩy vào vai trái ông Đ khiến ông Đ loạng choạng, bị xô đẩy lùi người và ghế về phía sau. Cùng lúc T đứng cạnh dùng tay phải lấy một số tờ tiền trong ngăn kéo rồi cả hai chạy ra ngoài. T chạy lên phía trước còn Đ nổ xe, ông Đ đuổi theo hô “Cướp, cướp” và dùng tay giữ vào đuôi xe nhưng không được. Đ đón T ở ngã ba đầu đường, tiếp tục điều khiển xe theo Quốc lộ 1A hướng Lạng Sơn rồi rẽ vào đường đi Công ty xi măng Hương Sơn. Sau đó, T và Đ đỗ lại bỏ tiền ra kiểm đếm thì được 800.000 đồng. T chia cho Đ 400.000 đồng, khi về đến thị trấn Kép thì T vay lại Đ 100.000 đồng. Số tiền cướp được T và Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 01/7/2019, ông Đ có đơn trình báo Công an huyện Lạng Giang.

Ngày 06/01/2020, Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra để 02 bị cáo diễn tả lại hành vi phạm tội. Kết quả: T và Đ thực hiện được toàn bộ hành vi phạm tội như trên và chiếm đoạt được tiền trong ngăn kéo. Khi Đ dùng tay phải đẩy vào vai trái của ông Đ thì ông Đ bị xô đẩy lùi người và ghế về phía sau đúng theo lời khai của các bị cáo.

Về số tiền các bị can chiếm đoạt, theo ông Đ khai bị cướp số tiền khoảng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên 02 bị cáo khai, sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội đã kiểm đếm được 800.000 đồng. Do đó chỉ có căn cứ xác định số tiền các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án là 800.000 đồng.

T và Đ đã có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước về phương pháp, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội. Đ theo sự phân công của T đã có hành vi dùng tay đẩy ông Đ để T có thể lấy tiền, đó là hành vi sử dụng vũ lực tác động trực tiếp vào cơ thể người bị hại để chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, có số IMEI 990002788724720 T dùng để nhắn tin cho Đ đến đón đi cướp tài sản.

Về dân sự: Bị cáo Đ và bố đẻ là Quản Đức T, sinh năm 1965 đã tự nguyện bồi thường cho ông Đ 1.000.000 đồng. Nay ông Đ không yêu cầu 02 bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với xe mô tô Honda Dream các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, điều tra xác định xe này Đ mượn của Dương Phương T, sinh năm 2003 ở Khu 1, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, T không biết việc Đ dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập thu hồi xử lý.

Đối với việc bị can T và Đ khai đến ghi lô, đề cho ông Đ, tuy nhiên ngoài lời khai 02 bị can thì không có tài liệu khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra bị can Nông Quốc T và Quản Hoàng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-LG, ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố các bị cáo Nông Quốc T và Quản Hoàng Đ về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và trình bày: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T trình bày: Tại phiên tòa bị cáo từ chối trợ giúp pháp lý và không đề nghị có người bào chữa, bị cáo quen biết Đ được vài tháng bị cáo không biết tuổi của Đ nhưng do Đ gọi bị cáo bằng anh nên bị cáo biết Đ nhỏ tuổi hơn bị cáo, bị cáo là người rủ Đ đi cướp tài sản nhà ông Đ.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo ông Quản Đức T trình bày: Ông là bố của bị cáo Đ, ông không biết Đ phạm tội đến khi cơ quan công an thông báo ông mới biết, quá trình cơ quan điều tra lấy lời khi ông đều có mặt chứng kiến, về việc bồi thường sau khi biết Đ phạm tội ông có cùng Đ đến nhà ông Đ bồi thường số tiền 1.000.000đồng, ông không có ý kiến gì về số tiền này, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để Đ có điều kiện đi học lại vì khi phạm tội Đ đang nghỉ hè năm lớp 10, sau đó thì nghỉ học.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Đồng ý về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo Đ, đề nghị xem xét giảm nhẹ hành phạt cho bị cáo Đ với mức 27 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra Hội đồng xét xử công bố lời khai của các bị hại tại cơ quan điều tra các bị cáo không có ý kiến gì.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố,

Tuyên bố các bị cáo Nông Quốc T, Quản Hoàng Đ phạm tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 38 ; Điều 91; Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Quốc T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt của 02 bản án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ 25/10/2019.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Quản Hoàng Đ từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 năm 06 tháng đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

* Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Nông Quốc T 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, có số IMEI 990002788724720.

Bị cáo T và bị cáo Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện phốp pháp cho bị cáo Đ được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, tính tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Nội dung vụ án: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nông Quốc T đã rủ Quản Hoàng Đ vào nhà ông Phạm Duy Đ để cướp tài sản. T và Đ bàn bạc, thống nhất với nhau, khi vào nhà thì Đ sẽ dùng tay đẩy ngã ông Đ để T lấy tiền trong ngăn kéo. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/6/2019, như đã bàn bạc, 02 bị cáo cùng vào nhà ông Đ thấy ông Đ đang ngồi ở ghế nhựa, trước mặt là bàn gỗ. T đến đứng cạnh bên trái ông Đ còn Đ đứng đối diện, T cố ý thả 10.000 đồng xuống đất và giả vờ bảo là ông Đ làm rơi, ông Đ cúi xuống nhặt, khi vừa ngẩng lên để tiền vào ngăn kéo thì Đ dùng tay phải đẩy vào vai trái ông Đ làm ông Đ bị đẩy lùi về phía sau, cùng lúc T đứng cạnh dùng tay phải lấy được 800.000 đồng trong ngăn kéo rồi cả hai chạy ra ngoài lên xe mô tô rời khỏi nhà ông Đ

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cũng như vật chứng đã thu hồi được, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội. T biết ông Đ đã già, bị còng lưng, sức khỏe yếu, việc đi lại chậm chạp và thường chỉ ở nhà một mình, các bị cáo đã bàn nhau xô ngã ông Đ để lấy tài sản. Bị cáo Đ đã xô ông Đ bị ngã, làm ông Đ lúc đó lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản của ông Đ, hành vi của các bị cáo đã sử dụng vũ lực tác động trực tiếp vào cơ thể người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả: T và Đ thực hiện được toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố các bị cáo về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Đ được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương gây hoang mang cho cho nội bộ quần chúng nhân dân. Xét vai trò của các

bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng không có dấu hiệu tổ chức, cấu kết chặt chẽ, T và Đ đã có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước về việc thực hiện hành vi phạm tội. T là chủ mưu, rủ rê lôi kéo, phân công nhiệm vụ cho Đ là người tham gia chính, Đ thực hiện theo sự phân công của T. Nên T có vai trò chính, chủ mưu tích cực trong vụ án, Đ tham gia với vai trò đồng phạm.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng bị cáo T có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố T và Đ đều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đ và gia đình đã bồi thường cho người bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo Đ có bố và ông nội đều tham gia quân đội và ông nội có tham gia dân công hỏa tuyến nên bị cáo Đ được áp dụng tình tiết tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Đ khi phạm tội và khi xét xử đều chưa đủ 18 tuổi, là người bị rủ rê, lôi kéo vào việc phạm tội, nhận thức pháp luật hạn chế, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự quy định về Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì: Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở T công dân có ích cho xã hội. Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo Đ phải cách ly xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng đủ để giáo dục bị cáo T người tốt sau này, như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo T có nhân thân xấu, trước khi bị xét xử về tội này bị cáo lại phạm về tội khác và đã được đưa ra xét xử. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo. Hành vi phạm tội lần sau mạnh động, nguy hiểm hơn lần trước. Do đó cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giáo dục bị cáo trở T công dân có ích cho xã hội

Đối với bị cáo Nông Quốc T hiện đang chấp hành hình phạt 06 tháng tù theo bản án số 111/HSST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, HĐXX áp dụng điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo.

Đây là vụ án có tính chất, động cơ vụ lợi, nên ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 6 Điều 168 BLHS phạt các bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà nước nhưng bị cáo T không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo Đ dưới 18 tuổi không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên HĐXX miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

[4]. Về dân sự: Bị cáo Đ và bố đẻ là Quản Đức T, đã tự nguyện bồi thường cho ông Đ 1.000.000 đồng. Nay ông Đ không yêu cầu 02 bị cáo phải bồi thường gì thêm.

[5]. Vật chứng vụ án gồm : 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, có số IMEI 990002788724720 T không dùng để nhắn tin cho Đ đến đón đi cướp tài sản cần trả lại cho bị cáo.

Đối với xe mô tô Honda Dream các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, điều tra xác định xe này Đ mượn của Dương Phương T, sinh năm 2003 ở Khu 1, thị trấn K, huyện C, T không biết việc Đ dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập thu hồi xử lý.

Đối với việc bị can T và Đ khai đến ghi lô, đề cho ông Đ, tuy nhiên ngoài lời khai 02 bị can thì không có tài liệu khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo T và bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo Nông Quốc T, Quảng Hoàng Đ phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333; Điều 336; Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Quốc T 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 111/HSST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/10/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333; Điều 336; Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Quảng Hoàng Đ 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Quảng Hoàng Đ cho UBND thị trấn K, huyện C, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2]. Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Nông Quốc T 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, có số IMEI 990002788724720.

[3]. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Quốc T và bị cáo Quản Hoàng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí HSST.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;Đương sự.
- VKSND huyện Lạng Giang,.
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang.
- Công an huyện Lạng Giang.
- UBND thị trấn K ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên tòa

Lê Thu Hà